

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 19-3-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cấn Thị Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-DS, ngày 24-9-2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 06a/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021; Quết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 12a/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở: Tháp B, 35 H, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Giám đốc phòng giao dịch Đ - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Ông Phạm Phú C – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Th – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do;

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05-6-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20-4-2018, ông Phạm Phú C đã vay vốn tại Phòng giao dịch Đắk Song - Chi nhánh Đắk Nông - Ngân hàng TMCP Đ, số tiền 500.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10957393/HĐTD ngày 20-4-2018; mục đích vay là phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp và sửa chữa nhà; thời gian vay: 11 tháng kể từ ngày 20-4-2018; lãi suất: 10,5%/năm, lịch trả nợ vay như sau:

+ Nợ gốc: Trả 01 lần khi đến hạn.

+ Nợ lãi: 03 tháng/lần vào ngày 05 của tháng thuộc kỳ trả nợ.

Để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn, ông Phạm Phú C cùng bà Trần Thị Th (vợ ông C) thế chấp Quyền sử dụng đất (viết tắt là QSDĐ) đối với các thửa đất số 12, tờ bản đồ số 60, diện tích 9.298,9m² và số 15, tờ bản đồ số 60, diện tích 5.467,5m², cả 02 thửa đất đều tọa lạc tại Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và đã được cấp các Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 383017 và số BX 383018, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 13-4-2015, đứng tên ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th.

Việc thế chấp tài sản được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2018/10957393/HĐTC, ngày 18-4-2018, tại Văn phòng công chứng Đắk Song; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Song ngày 19-4-2018.

Kể từ sau khi vay đến ngày 04-7-2018 ông Phạm Phú C mới trả lãi cho ngân hàng số tiền: 10.931.507 đồng. Nay ông C còn nợ Ngân hàng 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 04-4-2019 là 40.561.644đ (*Bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*). Từ ngày 04-10-2018 đến nay ông Phạm Phú C không trả gốc và lãi cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần đôn đốc, ông C bà Th nay đã bỏ đi khỏi địa phương.

Do vậy, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Phạm Phú C trả toàn bộ tiền nợ (tạm tính đến ngày 04-4-2019) là: 540.561.644 đồng, trong đó: nợ gốc là: 500.000.000 đồng, nợ lãi là: 40.561.644 đồng và ông C còn phải trả toàn bộ nợ lãi phát sinh theo HĐTD nêu trên cho đến khi trả hết nợ vay. Quá trình giải quyết, đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đ thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Đ đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-9-2020 thể hiện: Qua kiểm tra, xác minh, đo đạc trên thực tế và ráp bản đồ thể hiện: Đặc điểm tứ cận các thửa đất xem xét, thẩm định đúng như các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 12, diện tích 9.298,9m² và thửa đất số 15, diện tích 5.467,5m², đều thuộc tờ bản đồ số 60 và đều tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mà ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th đã thế chấp tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 665.339.041 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19-3-2021 là 165.339.041 đồng (gồm lãi trong hạn là 142.109.589 đồng và lãi phạt là 23.229.452 đồng); đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ sau ngày 19-3-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức lãi suất, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do chậm trả lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng nếu ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn ông Phạm Phú C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th: Kết quả xác minh xác định ông C và bà Th đã đi khỏi địa phương nhưng không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông C và bà Th bằng các hình thức niêm yết, thông báo nhưng ông C và bà Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết vụ án, phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quy định, đã đi khỏi địa phương không thông báo về việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th trả cho nguyên

đơn tổng số tiền nợ là 665.339.041 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19-3-2021 là 165.339.041 đồng (gồm lãi trong hạn là 142.109.589 đồng và lãi phạt là 23.229.452 đồng); đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ sau ngày 19-3-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ vay theo mức đã như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp ông C và bà Th không trả hoặc trả không đủ nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Bản sao Hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của ngân hàng, hồ sơ khách hàng; là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, còn có một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xem xét, thẩm định; kết quả thông báo, triệu tập đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10957393/HĐTD ngày 20-4-2018; đồng thời Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nếu ông C và bà Th không trả được nợ, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Từ ngày 04-10-2018 ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 05-6-2019 Ngân hàng khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.3]. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng các hình thức như trực tiếp (đối với nguyên đơn); niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết, ông C và bà Th không có mặt, kết quả xác minh tại địa phương xác định ông C và bà Th đã đi khỏi địa phương và không khai báo việc thay đổi nơi thường trú, tạm trú. Như vậy, ông C và bà Th đã tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại

phiên tòa sơ thẩm, ông C và bà Th vắng mặt đến lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà Th theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10957393/HĐTD ngày 20-4-2018 giữa ông Phạm Phú C ký với Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Đắk Nông thể hiện ông C vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là: 11 tháng kể từ ngày 20-4-2018; lịch trả nợ vay như sau: Nợ gốc trả 01 lần khi đến hạn. Nợ lãi trả 03 tháng/lần vào ngày 05 của tháng thuộc kỳ trả nợ; lãi suất cho vay: 10,5%/năm; mục đích vay là đầu tư sản xuất nông nghiệp và sửa chữa nhà. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Phạm Phú C có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th trả tổng số tiền còn nợ là 665.339.041 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 19-3-2021 là 165.339.041 đồng (gồm lãi trong hạn là 142.109.589 đồng và lãi phạt là 23.229.452 đồng), đồng thời các khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh do quá hạn được tiếp tục tính kể từ sau ngày 19-3-2021 đến khi thu hồi được toàn bộ nợ theo mức như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký; Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Phạm Phú C xác định số tiền vay, thời hạn trả nợ và lãi suất thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; thực tế Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho ông C số tiền 500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 04-7-2018 ông Phạm Phú C có trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi là 10.931.507 đồng; tuy nhiên, số tiền nợ gốc và lãi còn lại ông C, bà Th không trả cho Ngân hàng TMCP Đ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, vi phạm khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Mặc dù Ngân hàng TMCP Đ đã yêu cầu tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông C, bà Th không trả.

Xét thấy, ông Phạm Phú C ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ với tư cách là đại diện; đồng thời, đơn yêu cầu vay vốn và các tài sản đảm bảo là quyền sử dụng các thửa đất đứng tên ông Phạm Phú C bà Trần Thị Th và cả 02 người đều ký hợp đồng thế chấp; mục đích vay tiền là phục vụ gia đình. Như vậy, ngoài ông C thì bà Th cũng phải có trách nhiệm cùng trả khoản nợ trên. Tuy nhiên, đến nay cả ông C và bà Th đều chưa trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Do vậy, việc Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà Th trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo

quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả, phạt vi phạm giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th theo hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi trên số tiền gốc mà ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th còn nợ, cụ thể: tổng tiền lãi tính đến ngày 19-3-2021 là 165.339.041 đồng, trong đó bao gồm lãi trong hạn là 142.109.589 đồng và lãi phạt là 23.229.452 đồng.

[2.3]. Xét các Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2018/10957393/HĐTC và số 01/2018/10957393/HĐTC, ngày 18-4-2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th, thấy rằng: Các Hợp đồng được lập thành văn bản, theo mẫu, có công chứng tại Văn phòng công chứng Đắc Song ngày 18-4-2018; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-4-2018, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 12, tờ bản đồ số 60, diện tích 9.298,9m² và số 15, tờ bản đồ số 60, diện tích 5.467,5m², cả 02 thửa đất đều tọa lạc tại Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và đã được cấp các Giấy chứng nhận QSDĐ quyết sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 383017 và số BX 383018, do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp ngày 13-4-2015, đứng tên ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th (vợ ông C). Việc thế chấp đúng quy định theo điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Điều 298, Điều 299, 317, 320 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp được lập giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th là hợp pháp. Mặc dù, hợp đồng tín dụng chỉ một mình ông Phạm Phú C đứng tên vay nhưng mục đích vay là để đầu tư sản xuất nông nghiệp và sửa chữa nhà, quyền sử dụng đất thế chấp đứng tên ông Phạm Phú C và vợ là bà Trần Thị Th, tại thời điểm thế chấp bà Th cũng đã cùng ông C ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng TMCP Đ để đảm bảo cho khoản vay trên, đồng thời yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[3]. Về chi phí tố tụng:

3.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*), do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*). Tòa án hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại (Đã trả).

3.2. Chi phí đăng thông báo tìm kiếm đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 3.025.000đ (*Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) nguyên đơn phải chịu, được trừ số tiền 3.025.000 đồng nguyên đơn đã thanh toán cho cơ quan có thẩm quyền khi liên hệ đăng thông báo.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấp nhận nên buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là: 30.613.561 đồng (Làm tròn là 30.614.000 đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 298; 299, 317, 320, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ là 665.339.041đ (*Sáu trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 19-3-2021 là 165.339.041đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng*) (gồm lãi trong hạn là 142.109.589đ (*Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*) và lãi phạt là 23.229.452đ (*Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*)).

Trường hợp ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th để đảm bảo việc thu hồi nợ (*Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2018/10957393/HĐTC ngày 18-4-2018*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-3-2021) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất

mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định: Buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định còn lại (*Tòa án đã trả*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Phú C và bà Trần Thị Th phải nộp 30.614.000đ (*Ba mươi triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 12.811.000đ (*Mười hai triệu tám trăm mười một nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001150, ngày 13-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (*02 bản*);
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký và đóng dấu*)

Mã Thị Kỳ